

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 14 - 3 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HSST-QĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Trí T, sinh năm 1976 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Chí Tr và bà Trần Thị M; vợ: Nguyễn Thị L; con: Có 3 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hải Y - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/8/2023, Phạm Trí T đang ở nhà tại thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam thì có người đàn ông tên K (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) sử dụng số thuê bao điện thoại 0346224233 gọi đến số thuê bao điện thoại 0344958948 của T nói “Anh đang ở đâu lấy quả hàng về cho em, em không đi được, lúc nào anh về qua cầu Cầu Tử thì gọi điện cho em”, T hiểu ý K nhờ T đi

mua ma túy thì đồng ý rồi điều khiển xe mô tô BKS 90B1-654.00 đi đến khu vực cầu Câu Tử rồi gọi điện thoại cho K thì K hẹn T ra cổng chùa Giàu thuộc thôn 2, xã Đ, thành phố P. Tại đây, K đưa cho T 570.000đ để mua ma túy. T cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô quay về khu vực chợ Đ, xã T, thị xã D thì gặp người đàn ông tên Đ, sinh năm 1972, nhà ở cùng thôn với T. T hỏi Đ “Anh có hàng ở đó không, để cho em mấy quả”, ý T hỏi mua ma túy của Đ thì Đ nói “Có, tiền đâu”. T đưa cho Đ số tiền 570.000đ, Đ cầm tiền rồi đưa lại cho T 03 gói giấy màu trắng có dòng kẻ màu xanh, có chữ. Biết đó là 03 gói ma túy nên T cầm trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe mô tô quay về thôn 2, xã Đ, thành phố P gặp K. Lúc này, T đưa cho K 03 gói ma túy rồi cả hai đi vào trong khu nghĩa trang cạnh chùa Giàu sử dụng hết 02 gói ma túy, còn lại 01 gói ma túy K cho T, T cầm gói ma túy cất vào bên trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng rồi để vào túi áo ngực bên trái đang mặc sau đó đi ra điều khiển xe mô tô đi về còn K bỏ đi. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, khi T đang đi trên đoạn đường thuộc thôn 2, xã Đ, thành phố P thì bị tổ công tác Công an xã Đ phát hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Tại chỗ, T tự giác giao nộp 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, lực lượng Công an mở ra kiểm tra bên trong vỏ bao thuốc lá có 01 gói giấy dòng kẻ có chữ, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục và khai nhận đó là gói ma túy, T cất giữ là để sử dụng. Lực lượng Công an đã đưa T về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm: 01 gói giấy có dòng kẻ, có chữ viết, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01; số tiền 150.000đ; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng; 01 ví giả da màu nâu; 01 chứng minh nhân dân số 168040959; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 067384 đều mang tên Phạm Trí T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; 01 xe mô tô BKS 90B1-654.00.

Cùng ngày, Công an xã Đ, thành phố P đã bàn giao hồ sơ vụ án cùng đối tượng Phạm Trí T và tang vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 09/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Trí T tại thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

Tại bản Kết luận giám định số 523/KL-KTHS ngày 11/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: “Mẫu bột màu trắng dạng cục trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,211g (không phẩy hai trăm mười một gam) loại: Heroine”.

Quá trình điều tra, Phạm Trí T và gia đình cung cấp tài liệu thể hiện việc T có tiền sử bệnh tâm thần. Ngày 20/9/2023, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phủ Lý ra Quyết định trưng cầu giám định số: 211/QĐ-ĐCSMT, Trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương: Xác định tình trạng sức khỏe tâm thần của Phạm Trí T, đánh giá khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của Phạm Trí T trước, trong

và sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 08/8/2023.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 442/KLGĐ ngày 14/12/2023 của Viện pháp y Tâm thần Trung ương kết luận:

+ Tiền sử Phạm Trí T có bệnh Tâm thần phân liệt thể Paranoid. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.0. Đã được điều trị ổn định.

+ Trước, trong thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 08/08/2023 và tại thời điểm giám định Phạm Trí T có hội chứng nghiện các chất có thuốc phiện. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F11.2.

+ Tại các thời điểm trên Phạm Trí T có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS-PL ngày 16/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố Phạm Trí T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố Phạm Trí T theo nội dung bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX):

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Trí T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm Trí T từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định cùng toàn bộ bao gói và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và ½ chiếc xe mô tô BKS 90B1-654.00 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy mang tên Phạm Trí T. Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân, 01 chiếc ví giả da màu nâu và số tiền 150.000 đồng. Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 1/2 chiếc xe mô tô BKS 90B1-654.00.

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng và quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, là người có tiền sử bị bệnh tâm thần, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 01 con bị thần kinh đang được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bố đẻ là người có công với cách mạng, là thương binh loại A nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không bổ sung gì, không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị là vợ của bị cáo Phạm Trí T, chị xác định chiếc xe mô tô BKS 90B1-654.00 là tài sản của vợ chồng chị, chị không biết bị cáo sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, bản kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 08/8/2023, tại đoạn đường thuộc thôn 2, xã Đ, thành phố P, Phạm Trí T đang cất giấu trái phép 0,211 gam ma túy loại Heroine, mục đích để sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã Đ phát hiện bắt quả tang. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý truy tố đối với Phạm Trí T là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có bố đẻ là thương binh loại A và được hưởng trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến và có con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có 01 con bị bệnh não úng thủy, thần kinh, bị cáo đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và là lao động chính trong gia

định nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy và các chất gây nghiện, làm mất trật tự trị an trong xã hội và là nguyên nhân phát sinh nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và nâng cao hiệu quả công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm, song xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, mục đích tàng trữ ma túy để sử dụng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy loại Heroine được niêm phong trong phong bì số 523/KTHS là vật cấm tàng trữ, lưu hành; đối với 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng không có giá trị sử dụng, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo; 01 xe mô tô BKS 90B1-654.00 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 067384 là tài sản hợp pháp của Phạm Trí T và vợ là Nguyễn Thị L, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Chứng minh nhân dân số 168040959, 01 chiếc ví giả da màu nâu và số tiền 150.000 đồng. Quá trình điều tra xác định là giấy tờ, tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về tình tiết khác:

- Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ và người đã bán ma túy cho Phạm Trí T: Bị cáo khai số ma túy mà bị cáo tàng trữ là do bị cáo mua của người tên Đ, sinh năm 1972 nhà ở cùng thôn với bị cáo tại khu vực chợ Đ, xã T, thị xã D với giá 570.000đ; nguồn gốc số tiền trên là của người đàn ông tên K (bị cáo không biết nhân thân lai lịch) đưa cho bị cáo đi mua ma túy cùng sử dụng và cho T 01 gói ma túy. Đối với người tên K, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý đã xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch của người này. Đối với người tên Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý đã phối hợp với Công an xã T, thị xã D xác minh và xác định có đối tượng tên Phạm Công Đ,

sinh năm 1972, trú tại thôn Đ, xã T, thị xã D. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý đã triệu tập nhiều lần nhưng Đ không có mặt tại địa phương, đồng thời thu thập hình ảnh tiến hành cho T nhận dạng nhưng T không nhận dạng được người này. Ngoài lời khai của T thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ xử lý trong vụ án này.

- Đối với số thuê bao 0346224233, T khai là của K đã gọi đến nhờ T đi mua ma túy hộ, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý tiến hành xác minh xác định chủ thuê bao là chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 2002, trú tại thôn 3, xã Đ, thành phố P, chị H xác định đã đánh rơi sim thuê bao điện thoại trên từ cuối năm 2022 và không đăng ký sử dụng lại số thuê bao trên.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 47, 50 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Phạm Trí T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2/ Xử phạt: Bị cáo Phạm Trí T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 8 năm 2023.

3/ Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy loại Heroine được niêm phong trong phong bì số 523/KTHS, mặt trước ghi “Mẫu vật hoàn trả QT01” và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại bàn phím có số IMEI: 357698106739766; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đen bạc, biển kiểm soát: 90B1-654.00, số khung: 1214DY190687, số máy: HC12E5190829 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 067384 mang tên Phạm Trí T.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Trí T: 01 Chứng minh nhân dân số 168040959, 01 chiếc ví giả da màu nâu và số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Song cần tạm giữ số tiền và điện thoại của bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án dân sự, còn Chứng minh nhân dân giao cho Cơ quan thi hành án phạt tù nơi bị cáo T chấp hành án tạm giữ để trả lại bị cáo khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý và Ủy nhiệm chi số 04 ngày 31/01/2024).

4/ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Trí T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA TP Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân